

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

MODULE THCS

11

**CHĂM SÓC, HỖ TRỢ TÂM LÍ
HỌC SINH NỮ, HỌC SINH
NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ
TRONG TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Module *Chăm sóc, hỗ trợ tâm lý học sinh trung học cơ sở nữ, học sinh trung học cơ sở người dân tộc thiểu số* hướng tới mục tiêu chính là giúp giáo viên có hiểu biết và năng lực chăm sóc, hỗ trợ tâm lý cho học sinh nữ và học sinh dân tộc thiểu số ở trường THCS.

Module này gồm các nội dung sau:

1. Khái quát chung về tâm lý học sinh trung học cơ sở và chăm sóc, hỗ trợ tâm lý cho học sinh trung học cơ sở.
2. Chăm sóc, hỗ trợ tâm lý cho học sinh nữ, học sinh người dân tộc thiểu số ở trường trung học cơ sở.
3. Tổng kết module.

Mỗi nội dung sẽ gồm những hoạt động để tìm hiểu cụ thể về các nội dung.

Trong mỗi hoạt động sẽ tùy theo từng nội dung nhưng đều thể hiện được những nhiệm vụ cần phải làm và những thông tin phản hồi cơ bản cho nội dung.



B. MỤC TIÊU

1. MỤC TIÊU CHUNG

Giúp giáo viên THCS hiểu được khái niệm, nội dung của hoạt động chăm sóc, hỗ trợ tâm lý đối với học sinh, đặc biệt là học sinh nữ và học sinh dân tộc thiểu số ở trường THCS và vai trò của giáo viên khi chăm sóc, hỗ trợ tâm lý học sinh; nội dung, hình thức chăm sóc, hỗ trợ tâm lý đối với học sinh, đặc biệt là học sinh nữ và học sinh người dân tộc thiểu số ở trường THCS. Từ đó, giúp giáo viên biết vận dụng kĩ năng cần thiết để lên kế hoạch cá nhân khi chăm sóc, hỗ trợ tâm lý đối với học sinh, đặc biệt là học sinh nữ và học sinh người dân tộc thiểu số ở trường THCS.

2. MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Kiến thức: Nâng cao hiểu biết của giáo viên về giới và đặc điểm tâm lý học sinh THCS theo giới; về dân tộc thiểu số và người dân tộc thiểu số, đặc điểm tâm lý học sinh THCS dân tộc thiểu số.
- Kỹ năng: Giúp nâng cao năng lực chăm sóc, hỗ trợ tâm lý học sinh nữ và học sinh người dân tộc thiểu số của giáo viên trong quá trình giáo dục

thông qua việc giáo viên thực hành được các biện pháp giúp đỡ học sinh nữ, học sinh người dân tộc thiểu số thực hiện mục tiêu dạy học.

- Thái độ: Hiểu rõ tầm quan trọng của việc hỗ trợ tâm lý đối với học sinh nữ và học sinh người dân tộc thiểu số trong các hoạt động giáo dục, có ý thức sử dụng các biện pháp tích cực để hỗ trợ tâm lý cho các em.



C. NỘI DUNG

Nội dung 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TÂM LÝ HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ CHĂM SÓC, HỖ TRỢ TÂM LÝ CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

Hoạt động 1: Tìm hiểu về tâm lý học sinh trung học cơ sở.

1. Nhiệm vụ

Bạn hãy trả lời những câu hỏi sau đây:

- Lứa tuổi học sinh THCS bao gồm độ tuổi nào? Nêu những đặc trưng cơ bản của lứa tuổi học sinh THCS?
- Những điều kiện nào ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của học sinh THCS?
- Nêu một số đặc điểm tâm lý của học sinh THCS.

2. Thông tin cơ bản

2.1. Đặc trưng cơ bản của học sinh trung học cơ sở

Lứa tuổi học sinh THCS bao gồm những em có độ tuổi từ 11 đến 15 tuổi. Đây là lứa tuổi có vị trí đặc biệt trong thời kì phát triển của con người; là thời kì phát triển phức tạp và có tầm quan trọng đặc biệt của trẻ em nói riêng và của con người nói chung. Trong tâm lý học phát triển, người ta gọi đây là thời kì quá độ từ thời thơ ấu sang thời kì trưởng thành của con người và lứa tuổi này được gọi là lứa tuổi thiếu niên.

Sự khác biệt cơ bản của lứa tuổi thiếu niên so với các lứa tuổi khác là sự phát triển mạnh mẽ, thiếu cân đối về các mặt trí tuệ, đạo đức. Sự xuất hiện những yếu tố mới của sự trưởng thành do kết quả sự biến đổi cơ thể, sự phát triển tự ý thức, sự thay đổi kiểu quan hệ với người lớn, với bạn bè, yêu cầu của hoạt động học tập, hoạt động xã hội mà thiếu niên tham gia vào. Trong các em tồn tại song song đặc điểm của cả trẻ con và của người

lớn. Các em đang tập làm người lớn nhưng vẫn còn là trẻ con. Mức độ phát triển và biểu hiện của đặc điểm người lớn có sự khác biệt giữa các em do tác động của hoàn cảnh sống và hoạt động.

Những chiều hướng phát triển đặc điểm người lớn ở lứa tuổi thiếu niên có khác nhau, nhưng đều thể hiện một nội dung: các em mong muốn chứng tỏ mình là người lớn, được đối xử như người lớn.

2.2. Những điều kiện phát triển tâm lí

a) Sự biến đổi về mặt thể chất (sinh lí)

Về thể chất, đây là lứa tuổi phát triển mạnh mẽ nhưng không đồng đều. Tầm vóc của các em lớn lên khá nhanh. Trung bình một năm các em cao lên được 5 – 6cm. Các em gái ở độ tuổi 12, 13 phát triển chiều cao nhanh hơn các em nam cùng độ tuổi, nhưng đến 18, 20 tuổi thì sự phát triển chiều cao của các em gái dừng lại, đến 22 tuổi thì dừng hẳn. Các em trai ở độ tuổi 15, 16 tuổi thì cao đột biến, vượt hẳn các em gái và đến 24, 25 tuổi mới dừng lại. Tuy nhiên hiện nay, do có hiện tượng gia tăng tốc độ phát triển nên sự phát triển của các em có thể sớm hơn 1 – 2 năm. Trọng lượng cơ thể của thiếu niên có thể tăng từ 2,4kg đến 6kg trong mỗi năm.

Sự phát triển của hệ xương, mà chủ yếu là sự phát triển các xương ống tay, xương ống chân rất nhanh, nhưng xương ngón tay, ngón chân lại phát triển chậm. Vì thế, ở lứa tuổi này, các em thường cao, gầy, cơ thể thiếu cân đối; có vẻ lỏng lẻo vụng về, không khéo léo khi làm việc, thiếu cẩn thận hay làm đổ vỡ. Điều đó gây tâm lí khó chịu cho các em. Các em ý thức được sự lỏng lẻo vụng về của mình và cố che giấu nó bằng cách cố tạo ra các điệu bộ tự nhiên, tỏ vẻ mạnh bạo, can đảm để người khác không chú ý tới bề ngoài của mình.

Sự phát triển của hệ thống tim mạch ở lứa tuổi thiếu niên cũng không cân đối. Thể tích của tim tăng rất nhanh, hoạt động của tim mạnh mẽ hơn, nhưng kích thước của mạch máu lại phát triển chậm. Do đó, các em có thể có một số rối loạn tạm thời của hệ tuần hoàn như tăng huyết áp, tim đập nhanh, hay nhức đầu, chóng mặt khi đứng lên, ngồi xuống, mệt mỏi khi làm việc.

Tuyến nội tiết bắt đầu hoạt động mạnh, đặc biệt là tuyến giáp – thường dẫn đến sự rối loạn của hoạt động thần kinh. Do đó, các em dễ xúc động, dễ cáu gắt, nổi khùng. Ta thường thấy các em thiếu niên dễ có những phản ứng gay gắt, thiếu kiềm chế và những cơn xúc động bất chợt.

Hệ thần kinh của các em lứa tuổi học sinh THCS còn chưa có khả năng chịu đựng những kích thích mạnh hoặc đơn điệu kéo dài. Những kích thích như thế thường gây cho các em trạng thái ức chế hay ngược lại có thể gây ra trạng thái bị kích động mạnh. Vì vậy, những chấn động thần kinh mạnh, hoặc sự chờ đợi lâu dài trong trạng thái không thoải mái... đều có thể làm cho một số em bị ức chế, uể oải, thờ ơ. Một số khác có những hành vi không phù hợp, không đúng với bản chất của các em.

Một đặc điểm quan trọng của lứa tuổi này mà chúng ta cần quan tâm, đó là sự dậy thì. Sự dậy thì ở lứa tuổi thiếu niên là một hiện tượng bình thường, diễn ra theo quy luật sinh học và chịu ảnh hưởng rất nhiều của môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

Dậy thì ở các em trai vào khoảng 15, 16 tuổi, ở các em nữ vào khoảng 13, 14 tuổi. Biểu hiện của thời kì này là các cơ quan sinh dục phát triển và xuất hiện những dấu hiệu phụ của giới tính (các em trai có ria mép, ở các em gái ngực bắt đầu phát triển). Thời kì dậy thì sớm hay muộn phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó có đặc điểm dân tộc, đặc điểm địa lí tự nhiên và môi trường xã hội. Các em sống ở xứ nông thường dậy thì sớm hơn các em sống ở xứ lạnh. Dậy thì còn phụ thuộc vào chế độ sinh hoạt của cá nhân, sức khoẻ và chế độ ăn uống, lao động, nghỉ ngơi, đời sống tinh thần của các em... Hiện nay, do điều kiện xã hội có nhiều thay đổi, xuất hiện sự gia tăng tốc độ phát triển thể chất, tuổi dậy thì có thể sớm lên.

Kết thúc thời kì dậy thì, khả năng hoạt động tình dục bắt đầu phát triển, nhưng các em chưa trưởng thành về mặt cơ thể và đặc biệt là sự trưởng thành về mặt xã hội. Vì thế, một số nhà khoa học cho rằng ở lứa tuổi thiếu niên không có sự cân đối giữa tình cảm, ham muốn tình dục với mức độ trưởng thành về mặt xã hội và tâm lí.

b) Sự thay đổi của điều kiện sống

– *Đời sống trong gia đình:*

Ở lứa tuổi thiếu niên, địa vị của các em ở trong gia đình đã có thay đổi. Các em bắt đầu được coi là thành viên có vị thế của gia đình, được cha mẹ giao cho một số việc. Ở những gia đình khó khăn, một số em đã phải tham gia lao động. Vì thế, các em đã ý thức được các nhiệm vụ đó và thực hiện một cách tích cực.

Điều quan trọng và có ý nghĩa lớn đối với thiếu niên là các em đã được tham gia bàn bạc một số công việc của gia đình. Các em đã quan tâm

đến việc xây dựng, bảo vệ uy tín của gia đình. Những sự thay đổi đó đã kích thích thiếu niên phát triển tính tích cực và tự chủ trong hoạt động.

– **Đời sống trong nhà trường:**

Các em được học nhiều môn học khác nhau, mỗi môn học bao gồm một hệ thống tri thức với những khái niệm trừu tượng, khái quát, có nội dung phong phú làm cho khối lượng tri thức mà các em lĩnh hội được tăng lên nhiều, tầm hiểu biết của các em được mở rộng.

Các em được học nhiều môn với nhiều thầy cô giáo giảng dạy. Mỗi môn học có phương pháp giảng dạy đặc thù. Các thầy cô giáo có cách giảng dạy khác nhau, sử dụng các hình thức dạy học khác nhau. Sự khác nhau này đã ảnh hưởng đến việc lĩnh hội, đến sự phát triển trí tuệ và nhân cách của các em. Thái độ say mê học tập, sự hình thành và phát triển cách tư duy độc đáo cùng những nét tính cách tốt đẹp của các em chịu ảnh hưởng rất nhiều từ phong cách giảng dạy và nhân cách của các thầy cô giáo.

– **Đời sống trong xã hội:**

Các em lứa tuổi thiếu niên được xã hội thừa nhận như những thành viên tích cực và được giao một số công việc nhất định trên nhiều lĩnh vực khác nhau như tuyên truyền cổ động, giữ trật tự đường phố, giúp đỡ gia đình thương binh liệt sĩ và các hoạt động xã hội khác.

Do tham gia hoạt động xã hội mà quan hệ của học sinh THCS được mở rộng, các em được tiếp xúc với nhiều người, nhiều vấn đề của xã hội. Tầm hiểu biết của các em được nâng lên, kinh nghiệm sống phong phú hơn. Tính tích cực xã hội ở các em cũng phát triển mạnh mẽ nhằm lĩnh hội những giá trị, những chuẩn mực xã hội để biến đổi bản thân cho phù hợp với vị thế mới của các em trong xã hội. Đây là tiền đề quan trọng để tổ chức các hoạt động xã hội cho học sinh THCS.

2.3. Một số đặc điểm tâm lí

Trẻ em lứa tuổi thiếu niên có khả năng phân tích, tổng hợp khi tri giác các sự vật, hiện tượng. Trí nhớ của các em phát triển mạnh, đặc biệt là trí nhớ có chủ định. Tốc độ ghi nhớ và khối lượng tài liệu ghi nhớ được tăng lên. Chú ý có chủ định bền vững được hình thành, nhưng sự phong phú của những ấn tượng, sự rung động tích cực và mạnh mẽ của lứa tuổi này thường dẫn đến sự chú ý không bền vững. Tuy nhiên, nếu đối tượng hấp dẫn thì các em sẽ tập trung chú ý rất cao độ và chú ý sẽ rất bền vững. Khả năng phân tích, tổng hợp, khái quát hoá, trừu tượng hoá ở các em phát

triển rất mạnh. Những thành phần hình tượng – cụ thể của tư duy bộ phận không giảm xuống mà vẫn tồn tại và phát triển. Các em có óc tưởng tượng phong phú và đa dạng, hình dung ra được những hình ảnh phức tạp, những ước mơ tốt đẹp cho bản thân.

Thiếu niên muốn người lớn thừa nhận sự trưởng thành của các em không chỉ là thể chất mà cả vị thế của các em trong gia đình, nhà trường và trong các hoạt động xã hội. Kiểu quan hệ của người lớn với trẻ em trước đây (kiểu quan hệ không bình đẳng giữa người lớn và trẻ em) không còn thích hợp với lứa tuổi này. Vì thế, các em mong muốn cải tổ mối quan hệ này theo chiều hướng hạn chế quyền hạn của người lớn, mở rộng quyền hạn của mình. Các em mong muốn được người lớn tôn trọng, tin tưởng và mở rộng sự tự lập. Do nhu cầu tự khẳng định phát triển rất mạnh mẽ, các em rất muốn được thể hiện mình trước mọi người.

Mối quan hệ của học sinh THCS với bạn bè cùng lứa tuổi ngày càng phức tạp, đa dạng. Sự giao tiếp giữa các em đã vượt ra ngoài phạm vi học tập, phạm vi nhà trường. Các em có nhu cầu rất lớn trong giao tiếp với bạn bè. Một mặt, các em khao khát được giao tiếp và cùng hoạt động với nhau, muốn được sống tập thể, có bạn bè thân thiết, tin cậy; mặt khác, các em còn có nguyện vọng là muốn được bạn bè thừa nhận, tôn trọng.

Học sinh THCS coi quan hệ bạn bè cùng tuổi là quan hệ riêng của cá nhân. Các em cho rằng các em có quyền hành động độc lập trong quan hệ này và bảo vệ quyền đó của mình.

Lí tưởng tình bạn của lứa tuổi này là “sống chết có nhau, chia ngọt sẻ bùi”. Sự bất hoà trong quan hệ bạn bè cùng lớp, sự thiếu thốn bạn thân hoặc tình cảm bị phá vỡ đều sinh ra những cảm xúc nặng nề. Tình huống khó chịu nhất đối với các em là bị phê bình trước tập thể, trước bạn bè.

Hình phạt nặng nề nhất đối với các em là bị bạn bè tẩy chay.

Học sinh THCS đã bắt đầu quan tâm đến bạn khác giới tính. Ở lứa tuổi này, các em đã bắt đầu quan tâm lẫn nhau, ưa thích nhau. Lúc đầu sự quan tâm tới giới khác ở các em nam còn có tính chất tản mạn và biểu hiện bằng phương thức đặc thù của trẻ con, như trêu trọc các em gái... Các em gái lúc đầu có thể không hài lòng, nhưng khi hiểu thì các em không bực tức, giận đối các em trai. Về sau, những quan hệ này được thay đổi, mất tính trực tiếp, xuất hiện tính ngược ngùng, e thẹn nên nhiều em ngại tiếp xúc trực tiếp mà tiếp xúc gián tiếp qua email, chat, mạng xã hội... Ở học sinh lớp 6 và lớp 7, tình bạn giữa nam và nữ ít nảy sinh, nhưng ở các

em lớp 8 và lớp 9 thì nảy sinh nhiều hơn, sự gắn bó giữa hai bên thăm thiết và nó giữ một vị trí lớn trong cuộc sống của các em.

Tuổi thiếu niên đã bắt đầu xuất hiện sự quan tâm đến bản thân, đến những phẩm chất nhân cách của mình. Các em có biểu hiện nhu cầu tự đánh giá, nhu cầu so sánh mình với người khác. Các em muốn hiểu biết mặt mạnh, mặt yếu của mình để có hướng hoàn thiện mình. Do sự phát triển mối quan hệ xã hội mà thiếu niên nảy sinh nhu cầu đánh giá khả năng của mình, tìm kiếm vị trí của mình, hành vi của mình giúp cho các em hoặc ngăn cản các em đạt được mong muốn trở thành người lớn.

Tình cảm của thiếu niên sâu sắc và phức tạp hơn các em lứa tuổi học sinh tiểu học. Đặc điểm nổi bật ở lứa tuổi này là dễ xúc động, dễ bị kích động, tình cảm còn mang tính bồng bột, khả năng kiềm chế còn kém. Khi tham gia các hoạt động vui chơi, học tập, lao động, các em đều thể hiện tình cảm rất rõ rệt và mạnh mẽ. Các em biểu hiện những cảm xúc rất đa dạng, khi hồi hộp, cảm động; khi phấn khởi vui tươi, có khi lại om sòm la hét.

Tính dễ kích động của các em đôi khi dẫn đến những xúc động rất mạnh mẽ như lúc vui quá trớn, lúc lại buồn ủ rũ, lúc thì quá hăng say, lúc thì quá chán nản. Nhiều em tâm trạng thay đổi rất nhanh chóng và dễ dàng, có lúc đang vui nhưng lại buồn ngay, hoặc đang buồn nhưng lại cười ngay được.

Tuy nhiên, tình cảm của các em thiếu niên đã bắt đầu biết phục tùng lí trí. Tình cảm đạo đức đã phát triển mạnh. Tình cảm bạn bè, tình đồng chí, tính tập thể ở lứa tuổi này cũng được phát triển mạnh.

Tóm lại:

Do có sự thay đổi điều kiện sống, điều kiện hoạt động trong gia đình, nhà trường và xã hội mà vị thế của học sinh lứa tuổi THCS được nâng lên. Các em ý thức được sự thay đổi này và tích cực hoạt động cho phù hợp với sự thay đổi đó.

Giai đoạn phát triển của học sinh ở lứa tuổi THCS rất phức tạp và có tầm quan trọng đặc biệt. Trong các em tồn tại song song đặc điểm của trẻ con và đặc điểm của người lớn. Các em đang tập làm người lớn nhưng vẫn còn là trẻ con. Chiều hướng phát triển tính người lớn ở lứa tuổi thiếu niên có khác nhau, nhưng đều thể hiện một nội dung chung: các em mong muốn chứng tỏ mình đã là người lớn, được đối xử như người lớn.

Do sự phức tạp của lứa tuổi này, người lớn cần đặc biệt quan tâm đến sự phát triển của trẻ em lứa tuổi học sinh THCS; chủ động hướng dẫn và tổ chức các hoạt động phù hợp để phát huy những lợi thế của từng trẻ em trong giai đoạn phát triển này.

3. Bài tập

Bài tập 1:

Bằng quan sát của bạn về học sinh lứa tuổi THCS, bạn hãy điền những thông tin vào ô trống của bảng dưới đây nhằm mô tả về sự thay đổi về thể chất của lứa tuổi thiếu niên.

Những thay đổi	Biểu hiện
Thay đổi về chiều cao	
Thay đổi về cân nặng	
Thay đổi về hình dáng	

Bài tập 2

Bạn hãy cung cấp thêm những thông tin nhằm khẳng định những thay đổi về vị thế của thiếu niên trong đời sống gia đình bằng cách điền thông tin vào ô trống của bảng dưới.

Biểu hiện của sự thay đổi	Những công việc cụ thể
Được cha mẹ giao một số việc của gia đình	
Được cùng cha mẹ bàn bạc một số việc của gia đình	

4. Tự đánh giá

Tự đánh giá 1

Từ hiểu biết về sự biến đổi về thể chất (sinh lý) của lứa tuổi thiếu niên, bạn có thể rút ra những điều cần lưu ý gì trong quan hệ, đối xử với các em lứa tuổi này?

Tự đánh giá 2

Bạn hãy giải thích, vì sao lứa tuổi thiếu niên lại rất hào hứng tham gia các hoạt động xã hội?

Tự đánh giá 3

1) Theo bạn, thiếu niên sẽ có phản ứng như thế nào trong các tình huống sau đây?

Tình huống	Phản ứng của thiếu niên
Người lớn can thiệp vào quan hệ bạn bè của thiếu niên.	
Người lớn không cho phép thiếu niên tham gia bàn bạc một số công việc của gia đình.	
Thiếu niên bị phê bình trước tập thể lớp.	

2) Từ những đặc điểm tâm lý của thiếu niên mà bạn vừa nghiên cứu, theo bạn, khi tổ chức các hoạt động giáo dục cho các em, người lớn cần phải lưu ý những vấn đề gì?

5. Suy ngẫm

Bây giờ bạn dành 5 phút để suy ngẫm những vấn đề vừa nghiên cứu xem bạn đã áp dụng chúng vào thực tế công việc của bạn như thế nào.

Hãy viết ra suy nghĩ của bạn.

(1) Tôi đã học được:

Điều đó sẽ được áp dụng ở công việc nào?

Áp dụng khi nào?

(2) Tôi đã học được:

Điều đó sẽ được áp dụng ở công việc nào?

Áp dụng khi nào?

Hoạt động 2: Nghiên cứu về chăm sóc, hỗ trợ tâm lý đối với học sinh trung học cơ sở.

1. Nhiệm vụ

Bạn hãy trả lời các câu hỏi sau:

- Bạn hiểu việc chăm sóc, hỗ trợ tâm lý cho học sinh THCS là như thế nào?
- Nêu một số trường hợp cụ thể trong chăm sóc, hỗ trợ tâm lý học sinh THCS.
- Nêu những biện pháp chăm sóc, hỗ trợ tâm lý cho học sinh THCS.

2. Thông tin cơ bản

2.1. Quan niệm

Chăm sóc (hoặc hỗ trợ) tâm lý cho học sinh lứa tuổi THCS là quá trình tác động có chủ định của thầy, cô giáo đến trẻ em nhằm giúp các em vượt qua những rào cản về tâm lý trong cuộc sống cũng như khi tham gia vào các hoạt động ở trường học, gia đình và cộng đồng.

Chăm sóc tâm lý cho học sinh là một quá trình vì nó đi từ những hiểu biết của thầy, cô giáo về học sinh đến việc phát hiện những vướng mắc (rào cản) tâm lý của học sinh để từ đó có những tác động can thiệp phù hợp.

Chăm sóc tâm lý cho học sinh bao gồm cả hoạt động hướng dẫn và tư vấn. Tuy nhiên, đó là những hoạt động hướng dẫn, tư vấn để thực hiện can thiệp tích cực vào lĩnh vực thái độ, tình cảm của đối tượng học sinh được chăm sóc. Chăm sóc tâm lý cho học sinh dựa trên nền tảng của sự hiểu biết và tình cảm giữa thầy, cô giáo và từng đối tượng học sinh của hoạt động (quá trình) này.

2.2. Một số trường hợp cụ thể trong chăm sóc tâm lý học sinh trung học cơ sở

a) Học sinh gặp sự căng thẳng

Căng thẳng (stress) là phản ứng của con người đối với một tác nhân được coi là có hại cho cơ thể và tâm lý con người.

Các tác nhân gây hại cho con người rất đa dạng từ những tác nhân bên ngoài, những sự kiện của cuộc sống đến những phức tạp rắc rối hàng ngày và tính chất công việc của mỗi người. Các tác nhân bên trong cũng gồm nhiều loại như xung đột nội tâm; các suy nghĩ đánh giá tình huống, sự kiện một cách tiêu cực và cả những vấn đề về sinh lý.

Căng thẳng là một thực tế của cuộc sống. Nó là thương số của áp lực cuộc sống và nội lực bản thân của mỗi người.

Khi căng thẳng, con người thường có các biểu hiện không bình thường về sinh lý, hành vi, cảm xúc và nhận thức.

- *Về sinh lý*: đau đầu, mệt mỏi, căng cơ ở cổ, lưng và quai hàm, tim đập mạnh, thở nhanh, ớn lạnh, thay đổi thói quen ngủ, có tật hay run và lo lắng, đi ngoài, khó tiêu, nôn, đi tiểu thường xuyên, mồm và họng khô, giảm ngon miệng.
- *Về hành vi*: nói lắp, mắc lỗi hơn thường lệ, hút nhiều thuốc lá hơn, thể hiện sự thiếu kiên nhẫn, không có khả năng thu giãn, nghiến răng, thiếu sự mềm dẻo trong ứng xử, né tránh mọi người, có những lời nói xúc phạm người khác, không hoàn thành công việc.
- *Về cảm xúc*: sợ, lo lắng, tức giận, ảm ức, hành vi hung hăng hơn, khó chịu, trầm cảm hoặc cảm thấy buồn bã, khó chịu, muốn khóc, chạy trốn, phủ nhận cảm xúc, buồn tẻ.
- *Về nhận thức*: suy nghĩ theo một chiều, thiếu sáng tạo, không có khả năng lập kế hoạch, quá lo lắng về quá khứ hay tương lai, thiếu tập trung, tư duy tiêu cực, tư duy cứng nhắc, gặp ác mộng, mơ ngày.
- *Về nguyên tắc*: muốn giảm bớt sự căng thẳng cho học sinh, cần làm giảm bớt các áp lực đối với các em và gia tăng nội lực của bản thân các em.

Giảm bớt áp lực của cuộc sống và những hoạt động cơ bản cho học sinh không đơn giản. Phương hướng chung là giúp các em sắp xếp thời gian hợp lý và giúp các em biết cách lập kế hoạch để sắp đặt công việc theo một lịch trình hợp lý hoặc chia nhỏ công việc thành những phần công việc để làm hàng ngày, hàng tuần sẽ giúp trẻ dễ dàng đạt được thời hạn và giảm căng thẳng.

Nếu căng thẳng do suy nghĩ tiêu cực của học sinh gây ra, người lớn cần gần gũi học sinh, giúp các em khắc phục các suy nghĩ không tích cực. Về lâu dài, phải hướng dẫn học sinh rèn luyện tư duy tích cực hơn, tập trung vào những điểm tích cực, vào những gì mà các em có thể kiểm soát được.

Các yếu tố hỗ trợ để giảm bớt sự căng thẳng cho học sinh bao gồm: chế độ ăn uống nghỉ ngơi, âm nhạc, niềm vui, nụ cười, thể dục, thể thao và vận động khác, sự chia sẻ của người thân và bạn học.

b) Học sinh gặp rào cản về giới

Giới là hiện tượng cấu trúc xã hội do xã hội gán cho hai giới tính các vai trò và nhiệm vụ, cách cư xử và phong cách khác nhau. Không giống như giới tính, giới là một đặc trưng mang tính tri giác, bởi thế dễ thay đổi khi

nó ảnh hưởng đến cách thức mà mọi người hành động và cư xử với nhau.

Đặc điểm sinh học của mỗi giới tính xác định các đặc trưng giới tính và các chức năng của các thuộc tính này. Trong khi đó, giới nói đến những đặc điểm và chức năng do xã hội gán buộc hoặc phân công cho đàn ông hay đàn bà. Ví dụ, xã hội mong muốn đàn ông xốc vác, độc lập, có lí trí, quyết đoán và đàn bà phải dịu dàng, dễ phục tùng, phụ thuộc, bị động, dễ xúc cảm... Khi một đứa trẻ lớn lên, nó phải hoà nhập để đáp ứng những mong chờ như thế của xã hội. Điều đó nói lên rằng, các cách đối xử nói trên được học và tiếp thu trong khi có cảm tưởng sai lầm rằng chúng được ấn định theo quy luật sinh vật học.

Ý thức về giới phát triển mạnh ở học sinh lứa tuổi THCS. Điều này thể hiện rõ trong đời sống tình cảm của học sinh THCS. Hiện nay, ở một số học sinh THCS có biểu hiện lệch lạc trong quan hệ bạn bè khác giới tính. Các em quan niệm về bạn khác giới tính không đúng mực, đi đến chỗ đua đòi chơi bời, bỏ bê việc học tập và những công việc khác.

Sự phát triển giới về phương diện xã hội – tâm lí của trẻ em nói chung, học sinh lứa tuổi học sinh THCS nói riêng chịu ảnh hưởng rất lớn của *giáo dục và văn hoá gia đình*. Trẻ càng nhỏ thì ảnh hưởng về giáo dục giới của cha mẹ càng lớn. Bố mẹ càng khuyến khích hoặc không đồng tình với hành vi giới của trẻ thì các em càng tiếp thu nhanh và thể hiện vai trò giới mà cha mẹ mong muốn.

Bên cạnh gia đình, đối với học sinh lứa tuổi THCS thì sự tác động của *nhóm bạn cùng tuổi* và của các *phương tiện truyền thông* cũng đóng vai trò quan trọng. Ngoài ra, sự nhận thức và nhập vai giới về phương diện xã hội – tâm lí của học sinh THCS còn chịu sự tác động của yếu tố *văn hoá trong cộng đồng*.

2.3. Một số gợi ý trong chăm sóc tâm lí

a) Làm cho học sinh cảm thấy an toàn

- Cần giúp đỡ các em phân biệt đúng sai và biết cách để lần sau làm cho đúng.
- Nên khoan dung trước những lỗi lầm và coi những lỗi lầm là nguồn thông tin có ích để giúp các em học tốt.
- Làm cho học sinh hiểu rõ không ai có quyền làm tổn thương người khác và mọi người đều có quyền được bảo vệ.
- Thông cảm và chia sẻ trong quá trình thảo luận với các em.

- Là tấm gương kiên định về các chuẩn mực trong cư xử, xử lý một cách công bằng trong mọi tình huống.

b) Làm cho học sinh cảm thấy được yêu thương

- Tạo môi trường thân thiện trong trường, lớp học và gia đình để các em có thể biểu lộ, thể hiện bản thân, cảm thấy được yêu thương bởi vì được là chính mình.
- Có cử chỉ, lời nói ân cần, dịu dàng, thân mật, gần gũi, lắng nghe tâm sự của học sinh...

c) Làm cho học sinh nhận thấy được hiểu, thông cảm

- Lắng nghe học sinh.
- Tạo điều kiện để các em diễn đạt ý nghĩ, bộc lộ cảm xúc.
- Cho học sinh điều kiện, cơ hội để chấp nhận và trả lời các câu hỏi của các em một cách rõ ràng.
- Cởi mở, linh hoạt.
- Hiểu đặc điểm tâm lý của học sinh.

d) Làm cho các em cảm thấy được tôn trọng

- Lắng nghe các em một cách quan tâm, chăm chú.
- Dành thời gian để nhận ra cảm xúc của học sinh.
- Cùng các em thiết lập các nội quy chung.
- Tạo giới hạn và bình tĩnh khi học sinh vi phạm nội quy.

e) Làm cho học sinh cảm thấy được có giá trị

- Luôn tiếp nhận các ý kiến của học sinh.
- Lắng nghe các em nói.
- Tạo cơ hội cho học sinh bộc lộ những khả năng của mình.
- Hướng ứng các ý tưởng hợp lý của các em.

Tóm lại:

Học sinh lứa tuổi THCS cần được giáo viên hướng dẫn, tư vấn và chăm sóc tâm lý.

Hướng dẫn, tư vấn và chăm sóc tâm lý cho học sinh THCS là nhằm giúp các em vượt qua được những khó khăn, rào cản trong học tập, trong quan hệ với bản thân và quan hệ với những người xung quanh.

Mặc dù không phải là những nhà hướng dẫn, tư vấn và chăm sóc tâm lý chuyên nghiệp, nhưng để có thể hướng dẫn, tư vấn và chăm sóc tâm lý

cho học sinh một cách tốt nhất, các thầy, cô giáo cần phải có những đặc điểm của một người hướng dẫn, tư vấn và chăm sóc tâm lý có kinh nghiệm. Mặt khác, khi thực hiện hướng dẫn, tư vấn và chăm sóc tâm lý cho trẻ em, các thầy, cô giáo cần tôn trọng các nguyên tắc và những khuyến cáo trong hướng dẫn, tư vấn và chăm sóc tâm lý nói chung.

3. Bài tập

Bài tập 1

Với những nội dung đã nghiên cứu trên, bạn hãy đưa ra ít nhất 3 ví dụ minh họa việc chăm sóc tâm lý cho học sinh.

– Ví dụ 1:

– Ví dụ 2:

– Ví dụ 3:

Bài tập 2

Bạn có thể đưa ra một số ví dụ về sự căng thẳng của học sinh THCS và lí giải nguyên nhân của chúng.

Sự căng thẳng của học sinh THCS	Nguyên nhân của sự căng thẳng
Ví dụ 1	
Ví dụ 2	
Ví dụ 3	

Bài tập 3

Bạn đã nhận biết được các biểu hiện thể hiện sự căng thẳng của học sinh THCS. Khi thấy các biểu hiện đó, bạn sẽ làm gì để giúp các em?

Biểu hiện về sự căng thẳng	Hành động can thiệp
Về sinh lí	
Về hành vi	
Về cảm xúc	
Về nhận thức	

Bài tập 4

1) Bạn hãy tìm một số đặc điểm, chức năng về giới của trẻ em lứa tuổi tiểu học và THCS.

2) Bạn hãy cho biết một số thông tin về gia đình của mình:

Các thành viên gia đình, giới tính của mỗi thành viên, quan hệ với bản thân:

3) Bạn hãy nhớ lại công việc của các thành viên trong gia đình đã làm hằng ngày theo thời gian, hãy ghi vào bảng dưới đây:

Công việc	Thời gian bắt đầu làm	Do nữ giới làm	Do nam giới làm
	5g 30		
	5g 45		
	6g		
			
	11g – 11g30		

Công việc	Thời gian bắt đầu làm	Do nữ giới làm	Do nam giới làm
			
	22g		

4) Theo bạn, sự phân công công việc trong gia đình có tác động gì đến quan niệm về giới của các thành viên trong gia đình?

4. Tự đánh giá

Bây giờ, bạn dành 5 phút để suy ngẫm những vấn đề vừa nghiên cứu và xem bạn đã áp dụng chúng vào thực tế công việc của bạn như thế nào.

Hãy viết ra suy nghĩ của bạn.

1) Tôi đã học được:

Điều đó sẽ được áp dụng ở công việc nào?

Áp dụng khi nào?

2) Tôi đã học được:

Điều đó sẽ được áp dụng ở công việc nào?

Áp dụng khi nào?

Nội dung 2

CHĂM SÓC, HỖ TRỢ TÂM LÝ CHO HỌC SINH NỮ, HỌC SINH NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số vấn đề về tâm lý học sinh nữ, ở trường trung học cơ sở.

1. Nhiệm vụ

Bạn hãy nghiên cứu và lí giải các tình huống sau:

* **Tình huống 1:**

- Hai bà mẹ tâm sự với nhau. Một bà mẹ nói: “Đứa con gái nhà tôi mới 13 tuổi mà đã cao gần bằng mẹ. Cháu ăn được, ngủ được thì sét đánh ngang tai chẳng dậy. Nhưng sao trông nó còm còm thế nào ấy. Tính tình thì ẩm ương, sớm nắng, chiều mưa”.

Bà mẹ thứ hai hướng ứng ngay: “Con bé nhà tôi cũng thế. Nó cùng tuổi với con Hà nhà chị đấy. Nó cao vống lên, chân tay thì dài ngoẵng ra, làm gì thì “hậu đậu” ời là “hậu đậu”. Rửa bát thì vỡ bát, cắt bìa đậu thì nát cả đậu...”.

- Lí giải của bạn:
- + Tên hiện tượng:

- + Nguyên nhân:

– **Đáp án:**

Quy luật tính mất cân đối tạm thời: Vì trẻ bước vào tuổi dậy thì, chức năng sinh học thay đổi, kéo theo sự thay đổi tâm lí, mệt mỏi, thiếu tập trung, chú ý kém, thất thường hay cáu gắt vô cớ; về cơ thể lỏng ngóng vụng về, vì hệ xương cơ phát triển không đồng đều, hệ tuần hoàn, hệ thần kinh cũng thiếu sự đồng bộ, không cân bằng, nên học sinh thất thường dễ có hành vi bộc phát, đau đầu, chóng mặt, mất cân đối về mặt tâm lí.

Khi lứa tuổi dậy thì qua đi, chúng ta phải giúp các em vượt qua giai đoạn này một cách vui vẻ, trước kia “nữ thập tam nam thập lục” nhưng bây giờ các em phát triển nhanh hơn, tính người lớn ở học sinh cũng khác trước đây, những nhận thức, hiểu biết hoạt động ngoài xã hội cũng cao hơn lứa tuổi.

* **Tình huống 2:**

- Nhà tâm lí học Hunggari – Gôiosơ Êlêna ví tuổi thiếu niên như một “xứ sở kì lạ”. “... Ở xứ sở này, khí hậu rất thất thường và kì quặc: khi thì nóng nực như ở vùng nhiệt đới, khi thì bỗng nhiên trở lạnh như băng. Xứ sở này có cả mùa xuân hoa nở ngát hương, có cả mùa thu lá vàng rụng tơi tả. Nhưng hai mùa này không phải bao giờ cũng tuần tự nối tiếp nhau. Vả lại, lắm khi mùa đông lại đột nhập vào giữa mùa hạ, còn mùa thu đôi khi lại nhảy vào giữa mùa xuân. Cư dân ở xứ sở này khi thì rất vui vẻ, ồn ào, khi thì bỗng nhiên lại trầm ngâm lặng lẽ; khi có những hành động anh hùng quả cảm, khi thì bỗng trở nên sợ sệt yếu đuối; khi quá tự tin kiêu ngạo, lúc lại khiêm tốn và kín đáo; đôi khi họ lại rất buồn tuồng và trắng tráo. Trong xứ sở kì lạ này không có trẻ con mà cũng chẳng có người lớn...”.

Bạn cho biết đoạn văn trên thể hiện quy luật phát triển tâm lí nào ở lứa tuổi học sinh THCS? Đó là đặc tính tâm lí nổi bật của lứa tuổi này?

– **Lí giải của bạn:**

+ **Quy luật:**

+ Đặc điểm tâm lí nổi bật:

– Đáp án:

+ Quy luật về tính mâu thuẫn tạm thời.

+ Đặc điểm tâm lí nổi bật: Trẻ lúc nóng, lúc lạnh. Khi qua giai đoạn hậu dậy thì (THPT) thì các em bớt nét tính cách này. HS khép kín hơn, kín đáo hơn, do đó GV gặp khó khăn hơn.

* Tình huống 3:

– Bạn hãy phân tích hiện tượng tâm lí sau đây: “Trong buổi sinh hoạt lớp, một em nữ sinh lớp 9 tỏ ra rất đúng đắn khi nhận xét về những ưu điểm và khuyết điểm của tổ mình một cách nghiêm túc, chín chắn. Vậy mà khi ở nhà, cô lúc chính cô bé “biết suy nghĩ” ấy lại “tự” với cậu em trai của mình về việc phải rửa mâm bát nhiều hơn, đến mức cãi nhau om sòm, giận dỗi.

– Lí giải của bạn:

+ Quy luật:

+ Đặc điểm tâm lí nổi bật:

- Đáp án:
- + Quy luật về tính không đồng đều.
- + Đặc điểm tâm lí nổi bật: Trẻ lúc thì tỏ vẻ chín chắn, lúc thì rất trẻ con.

Qua 3 ví dụ trên cho thấy rằng: GV phải nắm được một cách khoa học về tích cách, sự thay đổi của học sinh khi bước vào giai đoạn tiền dậy thì (11 – 14 tuổi).

Giai đoạn này sẽ qua đi và chúng ta phải có sự can thiệp cần thiết để giúp các em vượt qua giai đoạn này một cách an toàn và vui vẻ.

2. Bài tập thực hành

Bài tập 1: Thống kê số học sinh nữ và một số đặc điểm khái quát của học sinh nữ ở trong lớp bạn đang dạy.

- Số lượng học sinh nữ:

- Đặc điểm khái quát:

Bài tập 2: Bạn gặp khó khăn gì đối với việc dạy học/giáo dục các em học sinh nữ ở lứa tuổi THCS?

Bài tập 3: Bạn đã có sự hỗ trợ, giúp đỡ như thế nào đối với các em học sinh nữ mà các bạn dạy?

3. Thông tin cơ bản

3.1. Sự phát triển tâm lý

- Sự phát triển tâm lý mang tính quy luật: Lứa tuổi học sinh THCS ngự trị quy luật về tính mất cân đối tạm thời, tính mâu thuẫn và quy luật về tính không đồng đều của sự phát triển, thể hiện ở tất cả các lĩnh vực của nhân cách: trẻ phát triển với tốc độ khác nhau, nhưng đó lại là tính độc đáo.
- Các điều kiện phát triển tâm lý ở lứa tuổi học sinh THCS: hoạt động học tập, các hoạt động chung khác, hoạt động giao tiếp với những người xung quanh (với người lớn và các bạn cùng tuổi).
- Đặc thù mang tính quy luật trong sự phát triển tâm lý của học sinh lứa tuổi trung học gây ra những khó khăn nhất định cho giáo viên trong việc nhận diện, đánh giá, có tác động phù hợp đến học sinh. Điều này đòi hỏi phải có những cách thức phù hợp, khoa học, để có thể tìm hiểu học sinh một cách khách quan, đúng đắn.
- Ở từng lứa tuổi, có một số lĩnh vực thể hiện nét riêng, đặc thù của lứa tuổi, chi phối sự phát triển của các lĩnh vực khác và toàn bộ nhân cách học sinh. Đây là điều giáo viên cần nắm được để định hướng cho việc tìm hiểu học sinh một cách phù hợp.
- Tuổi dậy thì và những thay đổi của các em học sinh nữ ở trường THCS:
 - + Tuổi dậy thì: Tuổi dậy thì bắt đầu từ 10 – 13 tuổi và kết thúc vào 17 – 19 tuổi. Trẻ em gái thường dậy thì sớm hơn trẻ em trai 1 – 2 năm. Tuổi dậy thì là giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ con thành người lớn. Đặc trưng của giai đoạn này là sự phát triển mạnh mẽ cả về thể chất, tâm lý, tình cảm và khả năng hoà nhập xã hội, cộng đồng.
 - + Ở em gái: Ngay trước khi bước vào tuổi dậy thì, cơ thể bắt đầu phát triển nhanh hơn mức bình thường. Các em gái cao rất nhanh và khi 18 tuổi các em có thể cao bằng một người phụ nữ trưởng thành. Ngoài thay đổi về chiều cao, vú bắt đầu phát triển, mọc lông ở bộ phận sinh dục và xuất hiện trứng cá. Giai đoạn dậy thì chính thức được đánh dấu bằng lần hành kinh đầu tiên, báo hiệu trứng đã bắt đầu rụng và có khả năng có

thai. Giai đoạn này diễn ra những biến đổi quan trọng cho việc chuẩn bị làm mẹ sau này: tử cung lớn và dày hơn, tuyến vú phát triển, xương hông rộng ra.

3.2. Những biến đổi về tâm lý tình cảm

- Cùng với sự biến đổi về thể chất, đời sống tinh thần, tâm lý, tình cảm của thanh niên cũng trải qua những biến đổi sâu sắc.
- Khi bước vào tuổi dậy thì, các em đang bước tới ngưỡng cửa người lớn. Các em thường có những cảm giác sâu sắc rằng mình không còn là trẻ con nữa.
- Các em muốn được đối xử như người lớn, muốn thoát khỏi những ràng buộc của cha mẹ và gia đình. Ở giai đoạn này thường xảy ra những xung đột giữa vị thành niên và cha mẹ họ, vì họ vẫn coi các em họ là trẻ con.
- Các em muốn được độc lập trong suy nghĩ và hành động, muốn thử sức mình và khám phá những cái mới để khẳng định mình là người lớn. Các em thích giao tiếp với bạn bè cùng lứa hay người lớn hơn và dễ dàng bộc lộ tâm sự với bạn bè. Đây là những đặc điểm người lớn cần biết để hiểu rõ những nhu cầu, những mối quan tâm, những vướng mắc và những khát khao trong các em để có thể có những lời khuyên và cách giải quyết.
- Cũng chính trong giai đoạn này, các em bắt đầu quan tâm đến bạn khác giới và xuất hiện những cảm xúc giới tính mới lạ. Điều này khiến các em rất cô ý thức về cơ thể và giới của mình và có những rung cảm khi nghĩ tới một người bạn khác giới. Có lúc những rung cảm này trở nên quá mãnh liệt, khi lý trí chưa đủ để giúp các em làm chủ được mình, khiến các em có thể có những hành vi chưa đúng mực, có hại cho sức khỏe trong quan hệ với bạn khác giới. Mặc dù giai đoạn dậy thì có tầm quan trọng, nhưng ít người có hiểu biết về kiến thức, thái độ và hành vi liên quan đến sức khỏe cùng với nhu cầu hỗ trợ xã hội của lứa tuổi này. Nói chung, tuổi dậy thì là một thời kỳ phức tạp và ngay cả bản thân các em và người lớn đều không hiểu thật sự rõ ràng. Các hậu quả của những thiếu hiểu biết cần thiết không chỉ ảnh hưởng nghiêm trọng đối với bản thân các em, mà còn gián tiếp ảnh hưởng tới nguồn lực xã hội, sự phát triển kinh tế – xã hội và tương lai của đất nước.

3.3. Sự giúp đỡ, hỗ trợ học sinh trong giai đoạn tuổi dậy thì

Con người từ lúc sinh ra đến lúc trưởng thành ai cũng phải trải qua giai đoạn tuổi dậy thì (tuổi vị thành niên) với những thay đổi của cơ thể cũng như những thay đổi về tâm lý, tình cảm... Nhưng điều đó thường được

xem là chuyện riêng tư, kín đáo, không dễ chia sẻ, bày tỏ nên nó tạo ra tâm lí ngại ngùng, xấu hổ và im lặng. Thực tế cho thấy hành trình của tuổi dậy thì không phải đơn giản như vậy.

Các em cần được cung cấp, được hướng dẫn để hiểu quá trình thay đổi của bản thân mình. Đồng thời, các em cần được người lớn thông cảm, khuyến khích tạo điều kiện nói lên những băn khoăn, thắc mắc của các em. Các em cần được người lớn giúp đỡ, hướng dẫn những lời khuyên, giải đáp thắc mắc, chia sẻ những cảm xúc để các em vượt qua được giai đoạn chuyển tiếp này của cuộc đời và vững bước tới tương lai.

Hoạt động 2: Một số vấn đề về tâm lí học sinh người dân tộc thiểu số ở trường trung học cơ sở.

1. Nhiệm vụ

Bạn hãy làm nhanh một số bài tập sau:

Bài tập 1: Thống kê số học sinh người dân tộc thiểu số hiện có trong lớp của bạn theo mẫu sau:

STT	Họ tên	Giới tính	Dân tộc	Tuổi	Đặc điểm cá nhân
1					
2					
3					
...					

Bài tập 2: Trong quá trình dạy học và giáo dục học sinh, bạn nhận thấy các em học sinh người dân tộc thiểu số có những đặc điểm tâm sinh lí khác biệt như thế nào so với các em học sinh người Kinh?

Bài tập 3: Bạn gặp khó khăn gì trong quá trình dạy học/giáo dục các em học sinh người dân tộc thiểu số? Bạn đã làm gì để khắc phục những khó khăn đó?

* Những khó khăn gặp phải:

* Các biện pháp khắc phục khó khăn đã áp dụng:

2. Thông tin cơ bản

Các em học sinh người dân tộc thiểu số, đặc biệt là những em sinh sống ở các địa bàn, khu vực miền núi do điều kiện đi học muộn hoặc lưu ban nhiều, nên vào trường THCS cô em muộn hơn 2 – 3 tuổi.

Sự phát triển tâm lý của học sinh người dân tộc thiểu số ở trường THCS cũng có tất cả những đặc điểm và quy luật chung của sự phát triển tâm lý con người nhưng do các em phần lớn sống ở miền núi cao, hoàn cảnh kinh tế – xã hội, hoàn cảnh tự nhiên và hoàn cảnh hưởng thụ sự giáo dục khác với các em học sinh người Kinh sống ở vùng đồng bằng và thành phố nên sự phát triển tâm lý của các em cũng có một số đặc điểm riêng.

a) Đặc điểm về tri giác

Các em học sinh người dân tộc thiểu số sống ở vùng núi cao có độ nhạy cảm thính giác, thị giác rất cao vì điều kiện sinh sống đặc thù. Các em sinh ra và lớn lên giữa đại ngàn rừng núi, từ nhỏ đã quen với sự yên tĩnh của núi rừng, với tiếng chim muông, thú rừng và quen với việc vào rừng săn bắn, tìm cây, tìm rau rừng.

Giác quan tinh, nhạy là điều kiện rất thuận lợi cho các em học sinh người dân tộc thiểu số tri giác đối tượng nhưng trong học tập, sự định hướng tri giác theo các nhiệm vụ được đặt ra chưa cao. Các em hay bị thu hút vào những thuộc tính có màu sắc bên ngoài rực rỡ, hấp dẫn nên khó phân biệt đâu là thuộc tính bản chất, đâu là thuộc tính không bản chất.

Trong quá trình học tập, đặc biệt là những nội dung liên quan đến khả năng quan sát, các em học sinh người dân tộc thiểu số có thể nhận ra từng dấu hiệu, từng thuộc tính đơn lẻ của sự vật và hiện tượng nhưng quá trình tổng hợp, khái quát để đi đến nhận xét chung lại rất hạn chế.

b) Đặc điểm về tư duy, ngôn ngữ, trí nhớ

Vốn tiếng phổ thông (tiếng Việt) của các em học sinh người dân tộc thiểu số ở cấp THCS còn rất nghèo nàn, cô em bắt đầu vào lớp 6 mới nói được trọn vẹn một câu bằng tiếng Việt. Đây là thiệt thòi lớn của các em và cũng là khó khăn cơ bản của giáo viên khi dạy học, giáo dục các em. Do khả năng hiểu ngôn ngữ phổ thông hạn chế, vốn từ nghèo nàn, học sinh người dân tộc thiểu số ở trường THCS rất khó khăn trong việc sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trong giao tiếp và học tập, thể hiện rõ nhất trong việc làm bài kiểm tra, trả lời câu hỏi, kĩ năng đọc rất yếu, phát âm tiếng Latinh rất khó khăn và đặc biệt rất khó giải thích từ Hán – Việt và hiểu các quy tắc về chính tả, viết hoa.

Sự thiếu hụt về khả năng ngôn ngữ đã làm cho học sinh người dân tộc thiểu số bị hạn chế khả năng tư duy và nhận thức khoa học.

Nhìn chung, tư duy khoa học của các em học sinh người dân tộc thiểu số rất yếu nên việc học các môn tự nhiên như Toán, Lí, Hoá, Sinh gặp nhiều khó khăn.

Nổi bật trong tư duy của học sinh người dân tộc thiểu số ở trường THCS là các em chưa có thói quen lao động trí óc, đa số các em ngại suy nghĩ, ngại động não. Khi gặp phải vấn đề khó trong bài học là các em bỏ qua, không biết đọc đi đọc lại, lật đi lật lại vấn đề. Các em thường có thói quen suy nghĩ một chiều nên dễ thừa nhận những điều người khác nói. Điều đó dẫn đến khả năng tự học của các em rất kém.

Trong tư duy của học sinh người dân tộc thiểu số thì tư duy trực quan – hình ảnh thường tốt hơn tư duy trừu tượng – logic. Các em không khó khăn khi tư duy về các sự vật, hiện tượng cụ thể, gần gũi với đời sống của các em nhưng với những vấn đề đòi hỏi phải suy nghĩ trừu tượng và phức tạp, các em thường gặp rất nhiều khó khăn.

c) Đặc điểm về tình cảm và giao tiếp xã hội

Trong giao tiếp, các em học sinh người dân tộc thiểu số gặp nhiều khó khăn, muốn thể hiện tình cảm nhưng rất khó nói ra bằng lời. Từ đó, các em hay xấu hổ, không mạnh dạn trao đổi với các thầy, cô giáo. Điều đó gây ảnh hưởng không ít tới việc tiếp thu kiến thức ở lớp cũng như việc tự học ở nhà của các em.

Ở lứa tuổi THCS, học sinh người dân tộc thiểu số có những đặc điểm về tình cảm, cảm xúc giống với học sinh người Kinh nhưng cũng có những nét khác biệt, mang đậm màu sắc dân tộc.

Tình cảm, cảm xúc của các em lứa tuổi này rất chân thực, mộc mạc, yêu ghét rõ ràng; không có hiện tượng quanh co, khéo léo che giấu những tình cảm của mình.

Các em học sinh người dân tộc thiểu số thường rất gắn bó với gia đình, làng bản vì đặc điểm sinh sống khá riêng biệt, nhất là ở những khu vực miền núi, các gia đình sống nhỏ lẻ hoặc cụm dân cư ở từng góc núi, quả đồi.

Học sinh người dân tộc thiểu số có kiểu kết bạn cũng khá đặc biệt, các em thường chơi thành nhóm, nếu hợp nhau thì kết thành bạn tri kỉ rất thân thiết, thậm chí có khuyết điểm cũng bao che cho nhau đến cùng.

Bản chất, nét tính cách, tâm lí đặc biệt của các em học sinh người dân tộc thiểu số là hiền lành, thật thà, chất phác. Trong quan hệ với thầy, cô, bạn bè, các em thường rất trung thực, nghĩ như thế nào nói như thế đấy.

3. Suy ngẫm và khái quát

Bạn hãy dành 5 phút để suy ngẫm những vấn đề vừa nghiên cứu. Bạn đã áp dụng chúng vào thực tế công việc như thế nào?

Hãy viết ra suy nghĩ của bạn.

1) Tôi đã học được:

– Điều đó sẽ được áp dụng ở công việc nào?

– Áp dụng khi nào?

2) Tôi đã học được:

– Điều đó sẽ được áp dụng ở công việc nào?

– Áp dụng khi nào?

Hoạt động 3: Tìm hiểu, nắm bắt tâm lí học sinh nữ, học sinh người dân tộc thiểu số ở trường trung học cơ sở.

1. Nhiệm vụ

Bạn hãy trả lời các câu hỏi sau:

- Theo bạn tìm hiểu đặc điểm tâm lí học sinh là như thế nào?
- Mục đích tìm hiểu tâm lí học sinh là gì?
- Nội dung, phương pháp tìm hiểu tâm lí học sinh nữ, học sinh người dân tộc thiểu số ở trường THCS như thế nào?

2. Thông tin cơ bản

- * Tìm hiểu đặc điểm tâm lí học sinh là quá trình thu thập thông tin cần thiết về học sinh, về nhiều nguồn, nhiều lĩnh vực khác nhau để hiểu học sinh mình hơn, để giáo dục một cách có hiệu quả hơn, tốt hơn.
- * Mục đích tìm hiểu tâm lí học sinh là để nắm được suy nghĩ, tình cảm, mong muốn, sở thích, nguyện vọng, trình độ nhận thức của học sinh. Tìm hiểu đầy đủ về đặc điểm tâm lí học sinh sẽ giúp chúng ta hiểu các em, có những tác động kịp thời để hỗ trợ các em vượt qua những rào cản về tâm lí lứa tuổi, đạt được mục tiêu học tập trong nhà trường.
- * Hiện tượng tâm lí không thể được đo đạc một cách trực tiếp nhưng có thể đánh giá gián tiếp thông qua các sản phẩm hoạt động và các mối quan hệ giao tiếp. Đối với lứa tuổi học sinh trung học, đó là hoạt động học tập, các hoạt động chung khác của học sinh, giao tiếp của học sinh với người lớn (trong gia đình, ở nhà trường, ngoài xã hội) và với nghiên cứu tâm lí học. Điều này thể hiện nguyên tắc gián tiếp, khách quan, xã hội – lịch sử trong nghiên cứu tâm lí học. Các nguyên tắc này cần được quán triệt trong tổ chức tìm hiểu tâm lí học sinh để đảm bảo thu được tư liệu một cách tin cậy nhất. Ngoài ra, từ phía giáo viên chủ nhiệm cần tránh sự định kiến, nóng vội đối với học sinh.

Việc tổ chức tìm hiểu tâm lí học sinh nữ, học sinh người dân tộc thiểu số ở trường THCS cần tuân thủ các bước: xác định mục đích; thời gian; phạm vi; cách thức; điều kiện tìm hiểu; hướng phối hợp xử lí thông tin; hướng lưu trữ, khai thác thông tin về học sinh.

Nội dung tìm hiểu tùy theo mục đích và bám vào cấu trúc nhân cách học sinh. Nhu cầu con người là một hệ thống có thứ bậc được sắp xếp theo hệ thống, gồm có:

- Nhu cầu sinh lí.
- Nhu cầu an toàn.
- Nhu cầu được thương yêu chăm sóc.
- Nhu cầu được đánh giá, thừa nhận, khẳng định.
- Nhu cầu nhận thức.
- Nhu cầu thẩm mĩ.
- Nhu cầu được phát huy tối đa cái mà mình có.
- Nhu cầu sáng tạo.

Giáo viên có thể nắm bắt tâm lí học sinh bằng nhiều cách khác nhau: qua phiếu điều tra, qua thực tế tiếp xúc và dạy học trên lớp, qua các kênh giao tiếp của học sinh...

Tuy nhiên, một kênh quan trọng cần làm sớm là thu thập thông tin qua phiếu điều tra đối với học sinh THCS, nhất là khi các em bắt đầu bước vào đầu cấp học. Kênh này sẽ giúp cho giáo viên có nguồn thông tin tổng hợp để theo dõi tâm lí học sinh trong suốt quá trình các em học tập tại trường THCS.

Ví dụ về mẫu phiếu điều tra đối với học sinh đầu cấp:

1. Họ và tên học sinh.
2. Ngày, tháng, năm sinh.
3. Địa chỉ sinh sống, số điện thoại, địa chỉ email của bố mẹ hoặc của những người thân khác.
4. Hứng thú riêng của học sinh.
 - a. Theo ý kiến của bản thân học sinh.
 - b. Theo ý kiến của cha mẹ học sinh.
5. Họ và tên cha mẹ, nơi công tác, chức vụ, số điện thoại ở nơi làm việc, địa chỉ email. Trình độ học vấn của cha mẹ.
6. Hứng thú của bố và của mẹ.
 - a. Theo ý kiến của học sinh;
 - b. Theo ý kiến của cha mẹ học sinh.
7. Tình trạng điều kiện vật chất của gia đình.
8. Điều kiện về nhà ở của gia đình.
9. Thành phần/cơ cấu gia đình.
10. Số lượng trẻ dưới 18 tuổi trong gia đình và năm sinh cụ thể của từng em.

11. Tình trạng sức khỏe của học sinh.
12. Những đặc điểm cá nhân của trẻ cần được giáo viên đặc biệt chú ý.
13. Những đặc điểm tính cách nổi bật của trẻ.
14. Những năng lực mà trẻ có.
15. Thiên hướng mà học sinh bộc lộ đối với các môn học (học sinh thích học và học tốt môn nào?).
16. Trẻ gặp khó khăn ở những môn học nào.
17. Trẻ tham gia vào các nhóm nào: trong trường; ngoài trường.
18. Cha mẹ có thể giúp được gì cho lớp, cho trường.
19. Học lực – hạnh kiểm năm trước.

Hoạt động 4: Tìm hiểu những biện pháp tư vấn tâm lý đối với học sinh nữ, học sinh người dân tộc thiểu số ở trường trung học cơ sở.

1. Nhiệm vụ

Thực trạng đời sống tâm lý học sinh trung học hiện nay đang có nhiều biểu hiện đáng lo ngại. Học sinh có thể đánh nhau vì mâu thuẫn trong cuộc sống, tự tử vì sức ép của gia đình, vì những mâu thuẫn cá nhân rất nhỏ nhặt... Một nguyên nhân được chỉ ra là do vai trò của tư vấn học đường chưa thực sự được chú trọng trong mỗi nhà trường, thiếu “người thầy thầm lặng” giúp học sinh vượt qua những khủng hoảng tâm lý, giải quyết những “bí mật” ở lứa tuổi đang có những biến động về tâm sinh lý và tác động của xã hội.

Bạn hãy trả lời các câu hỏi sau đây:

Câu hỏi 1: Vì sao cần tư vấn tâm lý cho học sinh THCS?

Câu hỏi 2: Hãy chỉ ra một số hình thức và những nội dung tư vấn tâm lý cho học sinh nữ, học sinh người dân tộc thiểu số THCS?

2. Thông tin cơ bản

Lứa tuổi học sinh THCS là giai đoạn giao thời giữa tính cách “trẻ con” và chuyển sang làm “người lớn”. Nhiều bạn quá “nhạy cảm” mong manh trong tâm hồn và cách nghĩ nên mỗi khi có sự việc rắc rối dù là rất nhỏ cũng nhanh chóng bị suy sụp.

Cũng có bạn chỉ vì muốn thể hiện, chứng minh “bản lĩnh “dám nghĩ, dám làm” hơn người của mình” và có sự chọn lựa hết sức sai lầm là tìm đến cái chết.

Với những người bạn nhạy cảm và mong manh như thế rất cần sự quan tâm sâu sát của gia đình, bạn bè và nhà trường để có thể động viên, tham gia gỡ rối giúp các bạn vượt qua những áp lực trong cuộc sống hằng ngày.

a) Một số hình thức tư vấn tâm lý học sinh

- Tiến hành khảo sát hành vi của học sinh;
- Tiến hành phỏng vấn học sinh;
- Xây dựng kế hoạch giáo dục mang tính cá thể hoá cho các học sinh gặp khó khăn;
- Tổ chức các buổi tư vấn tâm lý cho học sinh;
- Tiến hành liệu pháp cá nhân đối với học sinh;
- Tiến hành liệu pháp nhóm đối với học sinh;
- Trao đổi với phụ huynh học sinh về hành vi và việc học của con họ.

b) Nội dung tư vấn tâm lý đối với học sinh nữ, học sinh người dân tộc thiểu số ở trường trung học cơ sở

*** Giáo dục giới tính:**

Một vấn đề quan trọng đặt ra là nên giáo dục giới tính cho con người vào thời điểm nào? Một số quan niệm cho rằng, chỉ nên giáo dục giới tính khi các em đã trưởng thành. Một số khác lại đòi hỏi phải giáo dục giới tính cho con người khi bước vào lứa tuổi dậy thì.

Ngày nay, nhiều nhà khoa học đều thống nhất rằng, nên giáo dục giới tính cho con người càng sớm càng tốt. Giới tính xuất hiện từ rất sớm ở con người, bởi vậy để con người phát triển toàn diện và tốt đẹp, cũng cần giáo dục giới tính từ rất sớm.

Tuy nhiên, đối với tuổi dậy thì, giáo dục giới tính có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây là lứa tuổi có nhiều biến động to lớn trong đời sống tâm lý cơ thể, lứa tuổi diễn ra quá trình chín muồi tính dục. Giáo dục giới tính trong thời kì này có tác dụng rất to lớn trong cuộc sống. Nó tác động đến sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ em. Giáo dục giới tính cho tuổi thiếu niên và tuổi thanh niên là rất quan trọng vì các em đã bước sang thời kì phát dục và ở thời kì này, gia đình và nhà trường giúp đỡ các em được nhiều nhất.

Do hiện tượng “gia tốc” phát triển về lứa tuổi, do đời sống kinh tế ngày càng được nâng cao và ổn định, sự phát triển về giới tính ở con người ngày càng nhanh và càng sớm hơn. Ngày nay, thậm chí ngay từ 10 – 12 tuổi, có khi còn sớm hơn, nhiều em đã bắt đầu quan tâm đến một số vấn đề của đời sống tình dục, đến quan hệ yêu đương thầm kín như người lớn. Đôi khi các em còn bắt chước hoặc thể nghiệm những cảm xúc của chính mình. Các em nữ lại thường dậy thì sớm hơn các em nam.

Ở trường THCS, trong khi phần lớn các em nam còn đang rất “trẻ con” thì các em nữ đã ra dáng “thiếu nữ” cả về thể chất lẫn tâm lí. Vì thế, việc giáo dục giới tính đối với các em là rất cần thiết.

Giáo viên có thể lựa chọn hình thức tổ chức giáo dục giới tính cho các em học sinh nữ phù hợp: thông qua phiếu hỏi, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề dành riêng cho học sinh nữ, tạo hòm thư tư vấn trực tiếp đối với học sinh nữ, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về các vấn đề liên quan đến giáo dục giới tính...

Tuy vậy, điều quan trọng nhất là khi tổ chức tư vấn cho các em các vấn đề về giáo dục giới tính dù bằng bất cứ hình thức nào, giáo viên cũng cần cho học sinh thấy được sự nghiêm túc, chân thành của mình để gây dựng lòng tin với các em. Từ đó, các em mới bộc lộ, chia sẻ tâm tư của mình. Bởi vì, các vấn đề về giáo dục giới tính rất tế nhị, khó nói.

- * Hỗ trợ học sinh nữ, học sinh người dân tộc thiểu số vượt qua rào cản tâm lí và những khó khăn gặp phải:
- Tình huống 1:

Kỉ niệm đáng nhớ

Cô giáo Thu Thảo dạy môn Ngữ văn và làm chủ nhiệm lớp 6 ở một trường THCS ở một xã nghèo nông thôn. Học trò phần lớn là con em nông dân và những người lao động tự do nghèo khổ nên trông em nào cũng nhếch nhác, còi cọc.

Trong lớp, có một em học sinh nữ tên là Nụ thường xuyên bị đái dầm, bị bạn bè trêu chọc nên em xấu hổ và rất hay nghỉ học, lợc học vì vậy rất kém.

Cô giáo đã đến nhà Nụ gặp gia đình thì được biết em bị bệnh tiểu không tự chủ từ nhỏ nên thường xuyên đái dầm. Gia đình cũng đưa em đi khám ở một vài nơi nhưng vì điều kiện khó khăn nên không kiên trì theo việc chữa chạy được lâu dài. Mẹ của Nụ cũng tâm sự với cô giáo là sẽ cho em nghỉ học vì Nụ nói đi học Nụ không có bạn và cũng không chơi với ai vì mặc cảm, lợc học lại yếu.

Câu chuyện của học sinh Nụ làm cô giáo day dứt mãi. Trở về sau buổi gặp gia đình Nụ, cô giáo đã lặn lội lên thành phố tìm đến một số hiệu thuốc lớn để tìm hiểu về bệnh của Nụ và tìm thuốc chữa. Cô cũng gọi điện thoại nhờ người thân, bạn bè ở các tỉnh khác tìm giúp.

Một người bạn ở Lạng Sơn đã mách cho cô giáo một thầy thuốc có thể chữa bệnh của Nụ. Cô giáo lại lặn lội lên tận nơi mua thuốc cho Nụ. Sau

3 lần uống, mỗi lần sáu thang thuốc ở Lạng Sơn thì Nụ khỏi bệnh. Em vui về trở lại trường học tập.

Trong thời gian Nụ nghỉ học ở nhà điều trị, cô giáo cũng phân tích cho cả lớp biết bệnh tình của Nụ và cách phản ứng của cả lớp với Nụ. Vì thế, khi Nụ quay trở lại trường, cả lớp vui mừng chia sẻ với Nụ làm em rất vui. Nhờ có sự giúp đỡ của cô giáo mà sau đó, Nụ học tập rất tiến bộ.

- + Câu chuyện trên đây gợi cho bạn tình huống gì trong trường học?
- + Hãy đánh giá về những việc làm của cô giáo đối với em Nụ.
- + Bạn rút ra được bài học gì từ câu chuyện?
- Tình huống 2:

Nhà trường bắt luyến vì nữ sinh bỏ học đi... lấy chồng

(Nguồn: Theo Viettinnhanh)

“Ở các xã thuộc huyện vùng cao Đông Giang (Quảng Nam), xảy ra tình trạng nữ sinh bỏ học khá nhiều. Điều đặc biệt là chủ yếu là học sinh nữ bỏ học để lấy chồng khi mới ở tuổi 14, 15.

Nạn tảo hôn nơi đây diễn ra rất phổ biến mà nguyên nhân là do phong tục, tập quán của người Cotu. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến việc duy trì số lượng học sinh và nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

Đầu năm học 2011 – 2012, HS các khối lớp 11, 12 Trường THPT Âu Cơ giảm nhiều so với năm học trước. Lãnh đạo nhà trường phân công các giáo viên chủ nhiệm về các bản làng tìm hiểu nguyên nhân để vận động các em ra lớp thì mới biết: nhiều HS đã có chồng, có trường hợp các em hiện đang mang thai hoặc mới sinh con.

Riêng lớp 12C1 đã có đến 3 nữ học sinh Cotu theo chồng bỏ học. Đó là các em Đinh Thị Thò (xã Ka Dăng), Đinh Thị Nghiệp (xã Tu) và Ra Pát Thị Nhênh (xã Zơ Ngây), trong đó Nghiệp và Nhênh đã mang thai sắp làm mẹ ở tuổi 16, 17.

Trong số 3 nữ sinh bỏ học này có em Ra Pát Thị Nhênh là một HS rất chăm, năm học lớp 11 (2010 – 2011) Nhênh là HS Tiên tiến.

Nữ sinh Cotu ở huyện vùng cao Đông Giang (Quảng Nam). Hiện nay có không ít nữ sinh ở huyện này “theo chồng bỏ cuộc chơi”.

Tình trạng nữ sinh bỏ học lấy chồng không chỉ xảy ra với cấp học THPT mà các em mới 14,15 tuổi đang học lớp 8, 9 cấp THCS cũng trở thành những bà mẹ nhí, đành gác chuyện học hành để theo chồng. Năm học

2010 – 2011, Trường THCS Bán trú Lê Văn Tám (xã Zơ Ngây) và Trường THCS Võ Thị Sáu (thị trấn Pao) cũng xảy ra trường hợp học sinh bỏ học lấy chồng.

Mặc dù các thầy, cô giáo rất tích cực tuyên truyền, vận động gia đình và bản thân các em nhưng tỉ lệ HS bỏ học vì đã có chồng có vợ vẫn rất cao. Vấn đề này ảnh hưởng rất lớn đến việc duy trì số lượng, nâng cao chất lượng và thực hiện công tác phổ cập giáo dục ở huyện vùng cao Đông Giang.

Theo cô giáo Ating Thị Tươi – Hiệu trưởng Trường THPT Quang Trung (huyện Đông Giang), nguyên nhân dẫn đến việc HS bỏ học sớm để lấy chồng là do ý thức của người dân Cotu chưa xem trọng việc học nhưng chủ yếu là do tập tục.

Tập tục của người Cotu nơi đây, có khi chỉ vì một lời hứa của 2 người bạn trong một bữa tiệc, ăn nhậu, thế là con của họ đã thành vợ thành chồng khi mới chỉ 11, 12 tuổi. Hay cả khi con gái họ còn đang cắp sách đến trường thì một hôm có người đến xin bắt làm vợ với lễ vật là những chum ché cổ rất có giá trị thế là em đành từ giã mái trường để theo “lời ru buồn” ở tận nơi rẻo cao.

Thầy Đặng Xứng – Hiệu trưởng Trường THPT Âu Cơ (Đông Giang), cho biết: “Tình trạng HS bỏ học vì có chồng, có vợ trong độ tuổi vị thành niên là vấn đề nan giải không riêng gì trường này mà hầu hết các trường trên địa bàn huyện Đông Giang cũng vậy. Nhà trường vẫn thường xuyên tuyên truyền trong các buổi chào cờ, học ngoại khoá, rồi phân công giáo viên đến tận nhà các em ở những bản làng xa xôi để vận động nhưng kết quả không mấy khả quan”.

Hầu hết các em HS bỏ học và kết hôn khi chưa đủ tuổi theo quy định của pháp luật nhưng vẫn được tổ chức đám cưới linh đình. Như vậy, rõ ràng là chính quyền địa phương chưa có biện pháp để giải quyết nạn tảo hôn này”.

- + Bài báo trên đây gợi cho bạn tình huống gì trong trường học?
- + Nếu gặp phải tình huống nêu trên, bạn sẽ có biện pháp gì để giải quyết?
- Một số gợi ý về biện pháp hỗ trợ học sinh nữ vượt qua rào cản tâm lý và những khó khăn gặp phải:
- + Tìm hiểu khó khăn về tâm lý mà học sinh nữ gặp phải: có thể qua nhiều kênh khác nhau như: quan sát trực tiếp học sinh, tìm hiểu qua các học

sinh cùng lớp, tìm hiểu thông qua gia đình học sinh... Tuy nhiên, cách tìm hiểu cần hết sức tế nhị, khéo léo, tránh gây mặc cảm cho học sinh.

- + Tìm biện pháp hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn về tâm lý: Giáo viên có thể tự làm, có thể phối hợp với gia đình và cộng đồng xã hội để làm tùy theo từng trường hợp. Việc hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn về tâm lý có thể kết thúc nhanh hoặc lâu tùy theo từng trường hợp và cách thức tiến hành của giáo viên nhưng đòi hỏi giáo viên phải kiên trì. Trong một số trường hợp, vì mặc cảm mà học sinh có thể có những phản ứng ngược lại, không hợp tác thì giáo viên cần khéo léo phân tích, thuyết phục để các em hiểu mục đích và quan trọng hơn là các em thấy được sự chân thành của giáo viên, các em thấy tin tưởng và được chia sẻ. Sự cởi mở của các em học sinh sẽ giúp quá trình hỗ trợ của giáo viên dễ dàng thành công hơn rất nhiều.
- + Làm công tác tư tưởng đối với những học sinh khác trong lớp: đôi khi khó khăn về tâm lý của một học sinh nào đó lại là những điều rất ngộ nghĩnh đối với các em khác. Chính điều này gây nên mặc cảm đối với học sinh gặp khó khăn. Vì vậy, bên cạnh việc hỗ trợ học sinh gặp khó khăn, giáo viên cần có những tác động tâm lý tới các em học sinh khác, để các em hiểu và cùng chia sẻ, thậm chí cùng hỗ trợ đối với học sinh gặp khó khăn. Việc này cũng là sự hỗ trợ tâm lý chung cho cả tập thể lớp, giúp các em có sự chia sẻ, tạo sự gắn kết tập thể trong các em.

Mặc dù không phải là nhà hướng dẫn, tư vấn và chăm sóc tâm lý chuyên nghiệp, nhưng cách ứng xử của cô giáo chủ nhiệm trong tình huống trên đã làm cho học sinh thấy được hiểu, thông cảm và được yêu thương. Đây là một trong những cách quen thuộc và đơn giản nhất để chăm sóc, hỗ trợ tâm lý cho học sinh THCS, nhất là đối với các em học sinh nữ, học sinh có vấn đề khó khăn về tâm, sinh lý cần trợ giúp.

- Một số gợi ý khi tư vấn đối với học sinh người dân tộc thiểu số ở trường THCS:
 - + Giáo viên cần nhận biết đầy đủ những đặc điểm khác biệt về tâm, sinh lý của học sinh người dân tộc thiểu số trong quá trình phát triển, như vậy giáo viên mới có những tác động tích cực, phù hợp để khuyến khích các em học tập.
 - + Giúp học sinh tự ý thức về năng lực và khả năng học tập của mình: Giáo viên cần có những đánh giá khách quan về khả năng học tập của các em trong các mặt tư duy ngôn ngữ và toán học, văn nghệ, thể dục, thể thao... giúp các em tự tin vào khả năng của mình, đồng thời nỗ lực để học tập ngày càng tốt hơn.

- + Tạo cơ hội cho học sinh chủ động, bình đẳng với các học sinh khác trong học tập: Giáo viên cần hình thành cho học sinh các kĩ năng xây dựng mục tiêu và thông qua các việc làm cụ thể để học sinh có thể chủ động kiểm soát thời gian và cách thức hoạt động. Hướng dẫn cho học sinh cách tự đánh giá quá trình học tập để củng cố và điều chỉnh cách học cho phù hợp với bản thân.
- + Tạo cho học sinh có sự gắn bó với tập thể lớp trong quá trình học tập: Giáo viên cần làm cho học sinh hiểu và ý thức được rằng mỗi học sinh là một thành viên trong tập thể lớn. Điều đó sẽ tạo điều kiện cho các em học sinh hoà đồng, tham gia vào các hoạt động tập thể.
- + Cần bộc lộ sự quan tâm và kì vọng cao đối với các em: Giáo viên cần quan tâm ủng hộ để các em học sinh người dân tộc thiểu số phát huy và mạnh dạn hơn trong học tập cũng như các mối quan hệ bạn bè.

Nội dung 3

TỔNG KẾT MODULE

Hoạt động: Tổng kết module.

1. Nhiệm vụ

Căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của nhà trường và thực tế công tác giảng dạy của mình, bạn hãy xây dựng kế hoạch chăm sóc, hỗ trợ tâm lý đối với các em học sinh nữ ở lớp bạn đang dạy hoặc chủ nhiệm.

2. Bài tập

2.1. *Mẫu kế hoạch chăm sóc, hỗ trợ tâm lý học sinh nữ*

1) Mục tiêu và kết quả mong đợi

2) Nội dung

a) Số lượng/họ tên học sinh nữ

b) Nội dung, hình thức hỗ trợ tâm lý học sinh nữ

3. Các bước triển khai kế hoạch chăm sóc, hỗ trợ tâm lý học sinh nữ

2.2. Mẫu kế hoạch chăm sóc hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số

1) Mục tiêu và kết quả mong đợi

2) Nội dung

a) Số lượng/họ tên học sinh người dân tộc thiểu số

b) Nội dung, hình thức hỗ trợ tâm lý học sinh người dân tộc thiểu số

3) Các bước triển khai kế hoạch chăm sóc, hỗ trợ tâm lý học sinh người dân tộc thiểu số



D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB TP. Hồ Chí Minh, 2001.
2. Phạm Đức Dương, *Văn hoá học đại cương và cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, 1996.
3. Phạm Hồng Quang, *Các biện pháp tổ chức học tập và sự phát triển tâm lí của học sinh dân tộc nội trú*, Tạp chí Dân tộc học số 3, 1996.
4. Phạm Hồng Quang, *Tổ chức học tập cho học sinh dân tộc, miền núi*, NXB Đại học Sư phạm, 2002.
5. Đỗ Văn Thông, *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, Đại học An Giang, 2001.

Địa chỉ Internet

6. Trang tin điện tử của Ủy ban Dân tộc: <http://cema.gov.vn>
7. International Development Research Centre: Gender and Sustainable Development Unit.
8. UNESCO – Society for International Development: Environmental Justice and Gender Programme.
9. UNIFEM – The United Nations Development Fund for Women.
10. Women's Environment and Development Organisation.
11. WomenWatch: The United Nations Internet Gateway on the Advancement and Empowerment of Women.